

LUẬT CHỐNG BẠO HÀNH ĐỐI VỚI PHỤ NỮ CỦA PHILIPPINES VÀ SỰ SO SÁNH VỚI LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH CỦA VIỆT NAM

TS. NGUYỄN PHƯƠNG LAN *

1. Quan điểm của Philippines về vấn đề chống bạo hành đối với phụ nữ trong gia đình

Philippines là một trong số tám quốc gia ở ASEAN đã ban hành luật về chống bạo lực gia đình.⁽¹⁾ Philippines ban hành Luật chống bạo hành phụ nữ và trẻ em năm 2004 và theo Điều 50 của Luật này thì “*Luật có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng*”.⁽²⁾ Phụ nữ và trẻ em thường là nạn nhân của bạo hành, đặc biệt trong gia đình, vì vậy nhà nước cần có biện pháp bảo vệ sự an toàn cho phụ nữ và trẻ em ngay trong gia đình. Quan điểm của Cộng hoà Philippines là: “*Nhà nước thừa nhận giá trị và nhân phẩm của phụ nữ, trẻ em và bảo đảm tôn trọng đầy đủ các quyền con người. Nhà nước cũng thừa nhận nhu cầu bảo vệ gia đình, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em trước bạo hành đe dọa an toàn và an ninh của họ*”.⁽³⁾

Cũng như một số nước khác, ở Philippines còn tồn tại sự bất bình đẳng giới do ảnh hưởng của tư tưởng gia trưởng trong gia đình. Phụ nữ thường dễ bị tổn thương hơn, ít có khả năng để thực hiện và bảo vệ quyền của mình trong cuộc sống. Vì vậy sự bảo vệ của Nhà nước bằng các biện pháp, đặc biệt là những biện pháp pháp lí, có ý nghĩa quan

trọng. Dựa trên cơ sở Luật mẫu của Liên hợp quốc (UN), Philippines đã giới hạn phạm vi nạn nhân của bạo lực trong Luật về bạo lực gia đình là các thành viên nữ và trẻ em trong gia đình. Đây là điểm khác biệt so với pháp luật của một số nước khác. Nhiều nước xác định nạn nhân của bạo lực gia đình còn có cả nam giới.

Để đạt được mục đích đó, Nhà nước nỗ lực giải quyết tình trạng bạo hành đối với phụ nữ và trẻ em đồng thời bảo đảm những quyền tự do cơ bản của công dân theo Hiến pháp và các văn bản pháp lí quốc tế mà Philippines là thành viên.

2. Nội dung cơ bản của Luật chống bạo hành đối với phụ nữ và trẻ em của Philippines

Luật chống bạo hành đối với phụ nữ và trẻ em của Philippines bao gồm 50 điều luật với các nội dung cơ bản sau:

- Tuyên bố về chính sách của Nhà nước Philippines về bảo vệ phụ nữ và trẻ em, mục đích của việc ban hành luật;
- Quy định rõ khái niệm: “bạo hành đối với phụ nữ và trẻ em” và các hành vi bạo hành;
- Quy định các hình phạt;

* Giảng viên chính Khoa luật dân sự Trường Đại học Luật Hà Nội

- Quy định về lệnh bảo vệ. Lệnh bảo vệ theo Luật này gồm có: lệnh bảo vệ của làng (BPO), lệnh bảo vệ tạm thời (TPO), lệnh bảo vệ thường xuyên, lâu dài (PPO);

- Các quyền của nạn nhân;

- Trách nhiệm của các cơ quan chính phủ, cá nhân đối với hành vi bạo hành.

2.1. Mục đích của việc ban hành Luật

Luật này được xây dựng nhằm tăng cường sự bảo vệ và an toàn cho nạn nhân của nạn bạo hành đối với phụ nữ và trẻ em.⁽⁴⁾

Với quan điểm thừa nhận giá trị, nhân phẩm của phụ nữ và trẻ em, tôn trọng và bảo đảm đầy đủ các quyền con người của họ, Nhà nước Philippines nỗ lực giải quyết tình trạng bạo hành đối với phụ nữ và trẻ em, đưa ra các biện pháp bảo đảm an toàn cho nạn nhân của bạo hành, cũng như các biện pháp trừng trị đối với người có hành vi bạo hành.

Nạn bạo hành gia đình là hiện tượng xảy ra ở nhiều quốc gia trên thế giới. Nạn nhân của nó thường là phụ nữ và trẻ em, những người dễ bị tổn thương và không có nhiều khả năng để bảo vệ mình. Mặc dù các quốc gia đều đã có hệ thống văn bản pháp luật về hình sự, hành chính nhằm xử lý các hành vi có tính chất bạo lực, dù nó xảy ra trong gia đình hay ngoài xã hội song các hành vi bạo lực gia đình tồn tại những đặc điểm riêng, do tính chất đặc thù của các mối quan hệ gia đình chi phối. Bạo lực gia đình thường xảy ra trong những quan hệ riêng tư, có tính chất liên tục, dễ tái diễn, lặp lại trong tương lai nhưng lại bị che giấu, người ngoài không nhìn thấy được. Bạo lực gia đình thường được thực hiện trên cơ sở sự kiểm soát và

quyền lực của một số thành viên đối với một số thành viên khác của gia đình. Bản thân nạn nhân của bạo lực cũng muốn giấu diếm, che đậy hành vi bạo lực vì những hành vi đó thường do chính người thân của họ gây ra. Vì vậy việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý những hành vi bạo lực gia đình rất khó khăn.

Việc ban hành văn bản pháp luật riêng về bạo lực gia đình của các quốc gia thể hiện thái độ quan tâm, sự đồng cảm, chia sẻ của Nhà nước đối với nạn nhân của bạo lực. Văn bản pháp luật này nhằm mục đích đáp ứng một cách có hiệu quả các nhu cầu của nạn nhân bạo lực, đưa ra các biện pháp bảo vệ và hỗ trợ cho nạn nhân bạo lực. Việc bảo vệ nạn nhân của bạo lực cũng như hỗ trợ họ các điều kiện cần thiết về vật chất, tinh thần, chỗ ở, giải quyết các hậu quả của bạo lực... là vấn đề có ý nghĩa thiết thực nhằm ngăn chặn, hạn chế bạo lực và hậu quả của bạo lực. Đây là điểm có ý nghĩa khác biệt giữa Luật chống bạo hành gia đình với các văn bản pháp luật hành chính, hình sự. Các văn bản pháp luật hành chính, hình sự chủ yếu tập trung vào việc xử lý hành vi bạo lực, xử lý người gây ra bạo lực. Trong khi đó, luật về bạo lực gia đình có tính chất “thân thiện” với nạn nhân, đứng về phía nạn nhân và trên cơ sở đó đưa ra các quyết định để bảo vệ nạn nhân khỏi bạo lực gia đình có thể tiếp diễn trong tương lai.

2.2. Khái niệm “bạo hành đối với phụ nữ và trẻ em”

Theo quy định tại Điều 3 của Luật này thì: “Bạo hành đối với phụ nữ và trẻ em là hành động của bất kì người nào đối với phụ

nữ như là vợ, vợ cũ hoặc phụ nữ mà thủ phạm có quan hệ tình dục hay có quan hệ bạn bè với người đó hay với phụ nữ có con chung với thủ phạm hoặc đối với con cái của họ, ở cùng hoặc không cùng nơi cư trú mà các hành vi trên dẫn đến sự tổn thương về thể chất, tình dục và tâm lý hoặc lạm dụng về kinh tế, bao gồm các hành động như đánh đập, hành hung, ép buộc hoặc tước đoạt quyền tự do cá nhân”.

Theo quy định trên thì khái niệm “bạo hành đối với phụ nữ và trẻ em” được xác định bởi các nội dung sau:

- Đối tượng của hành vi bạo hành là phụ nữ và trẻ em. Phụ nữ là nạn nhân của hành vi bạo hành có thể là bất cứ ai, có quan hệ nhất định với người gây ra hành vi bạo hành. Đó có thể là bạn, người có quan hệ tình dục hoặc có con chung với người gây ra hành vi bạo lực, có thể là vợ hay vợ cũ của thủ phạm. Như vậy theo quan điểm của nhà lập pháp Philippines, phụ nữ là nạn nhân của hành vi bạo hành có thể rất rộng, có thể có mỗi quan hệ với tư cách cùng là thành viên gia đình với người gây ra bạo lực, hoặc không phải cùng là thành viên gia đình được công nhận chính thức về mặt pháp lý.

Trẻ em trong Luật này được hiểu là những người dưới 18 tuổi hoặc lớn hơn nhưng không có khả năng tự chăm sóc bản thân, bao gồm con đẻ của nạn nhân và những trẻ em khác do nạn nhân chăm sóc.⁽⁵⁾

- Nạn nhân có thể ở cùng hoặc không ở cùng nơi cư trú với thủ phạm.

- Về hậu quả: Hành vi bạo hành có thể là nhiều dạng hành vi khác nhau, dẫn đến sự

tổn thương về thể chất, tình dục, tâm lý hoặc thiệt hại về kinh tế đối với nạn nhân.

Như vậy, nạn nhân của bạo lực gia đình theo pháp luật Philippines là phụ nữ và trẻ em. Nam giới cũng có thể là nạn nhân của bạo lực nhưng theo Luật này thì không được xác định là nạn nhân, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật. Cũng theo khái niệm trên thì người gây ra hành vi bạo lực là “bất cứ người nào”, có thể xác định chủ yếu là nam giới - người có quan hệ nhất định đối với nạn nhân song thực tế người gây bạo lực còn có thể là phụ nữ. Tuy nhiên, điều này không được thể hiện rõ trong khái niệm.

Khái niệm còn nêu rõ những dạng hành vi bạo hành, trên cơ sở đó Luật quy định những hành vi bạo hành cụ thể.

2.3. Các dạng hành vi bạo hành

Hành vi bạo hành trong Luật được quy định khá cụ thể ở Điều 3 và Điều 5. Điều 3 của Luật quy định một cách khái quát các dạng bạo hành, trên cơ sở đó Điều 5 liệt kê một loạt các hành vi bạo hành cụ thể đối với phụ nữ và trẻ em. Phân tích các quy định trên cho thấy hành vi bạo hành theo quy định của Luật này bao gồm các dạng hành vi sau:

Thứ nhất, bạo hành về thể chất là các hành vi gây tổn thương về thể chất và thân thể (mục A Điều 3).

Thứ hai, bạo hành về tình dục là các hành vi gây tổn thương về tình dục đối với phụ nữ và trẻ em, bao gồm các hành vi sau (nhưng không chỉ giới hạn ở các hành vi này):

- Quấy rối tình dục: thực hiện các hành vi khiêu dâm, ép buộc nạn nhân xem các ảnh phẩm, các chương trình khiêu dâm hoặc ép

buộc nạn nhân thực hiện các hành động khiêu dâm, đóng phim khiêu dâm, yêu cầu và có các hành vi khơi gợi quan hệ tình dục, làm tổn thương bộ phận sinh dục của nạn nhân, coi phụ nữ và trẻ em như phương tiện phục vụ nhu cầu tình dục... (điểm a mục B Điều 3);

- Thực hiện các hành động dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực nhằm gây ra hoặc đang trong giai đoạn thực hiện việc bắt nạn nhân giao cấu (mặc dù chưa đạt) (điểm b mục B Điều 3);

- Mua dâm phụ nữ và trẻ em: hành vi này cũng bị coi là dạng bạo lực tình dục (điểm c mục B Điều 3).

Thứ ba, bạo hành tâm lí là các hành động hoặc sự vô trách nhiệm gây nên những tổn thương về tâm thần hoặc tâm lí của nạn nhân như đe dọa, quấy rối, theo dõi, phá hoại tài sản, diễu cợt hoặc làm nhục nạn nhân ở nơi đông người (mục C Điều 3). Bạo hành tâm lí thể hiện dưới nhiều dạng khác nhau nhưng có thể khái quát qua một số dạng hành vi sau:

- Những hành vi đe dọa gây ra những tổn thương về thể chất hoặc nhằm đặt phụ nữ vào tình trạng lo sợ bị hành hung, gây ra sự rối loạn và căng thẳng tâm lí ở họ như cho nạn nhân chứng kiến các hành vi hành hạ thể chất, lạm dụng tình dục hoặc tâm lí đối với các thành viên khác trong gia đình; bắt chứng kiến sự khiêu dâm dưới bất kì hình thức nào; chứng kiến sự ngược đãi đối với vật nuôi...

- Hành vi ép buộc phụ nữ làm những việc mà họ có quyền từ chối hoặc thực hiện

những hành vi ngăn cản, hạn chế quyền tự do của họ (điểm e Điều 5). Đó là những hành vi như: Đe dọa hoặc tước đoạt bất hợp pháp quyền thăm con, nuôi con của của bố hoặc mẹ đối với con chung sau khi li hôn; Tước đoạt hoặc đe dọa tước đoạt các quyền hợp pháp của phụ nữ...

- Gây ra hoặc đe dọa gây ra tổn thương về thể chất cho chính mình để kiểm soát hành động hoặc quyết định của phụ nữ (điểm f Điều 5);

- Theo dõi, nhìn lén phụ nữ tại nơi công cộng hoặc tại nơi ở riêng tư; xâm nhập trái phép nơi cư trú của phụ nữ... (điểm h Điều 5);

Thứ tư, bạo hành về kinh tế là các hành động hoặc quyết tâm thực hiện các hành động nhằm buộc phụ nữ bị lệ thuộc về tài chính (mục D Điều 3). Đó là các hành vi sau:

- Ngừng hỗ trợ về tài chính;

- Ngăn cản phụ nữ có nghề nghiệp và công việc hợp pháp;

- Tước đoạt hoặc đe dọa tước đoạt nguồn tài chính hợp pháp của phụ nữ, quyền sử dụng tài sản, quyền thừa kế của vợ, chồng và quyền sở hữu nói chung...;

- Phá huỷ tài sản gia đình hoặc tài sản của nạn nhân;

- Kiểm soát tiền, tài sản của nạn nhân hoặc đơn phương kiểm soát tài sản chung của vợ chồng.

Đặc điểm của hành vi bạo hành trong gia đình là các dạng hành vi bạo hành tuy có thể do thủ phạm thực hiện một cách riêng lẻ, tách rời nhau nhưng hậu quả của nó lại có tính đan xen, không tách rời mà tác động qua lại và ảnh hưởng lẫn nhau. Ví dụ hành vi bạo

hành về thể chất không chỉ gây ra những tổn hại thực tế về tinh mạng, sức khỏe của nạn nhân mà còn gây ra những tổn hại sâu sắc về tinh thần, tâm lí của họ đồng thời làm suy giảm kinh tế, tài chính của họ... Chính vì vậy có thể thấy trong thực tế các hành vi bạo lực gia đình không tách rời nhau.

2.4. Xử lí hành vi bạo lực

Một điểm rất có ý nghĩa là Luật chống bạo hành phụ nữ và trẻ em của Philippines quy định thời hiệu khởi tố đối với các hành vi bạo hành là tương đối dài. Theo Điều 24 của Luật này thì những hành vi bạo hành trên có thời hiệu khởi tố từ 10 năm đến 20 năm, tùy từng loại hành vi. Đồng thời, sự bạo hành chống lại phụ nữ và trẻ em được coi là hành vi phạm tội chống lại cộng đồng (xã hội) và sẽ bị khởi tố khi có bất kì người nào biết về hành vi phạm tội làm đơn tố cáo (Điều 25).

Về áp dụng hình phạt: Theo quy định tại Điều 6 của Luật này thì các hành vi bạo lực sẽ bị xử lí theo luật hình sự. Việc quy định các mức hình phạt đối với mỗi loại hành vi là khá cụ thể và được quy định trực tiếp trong luật.

- Nếu những hành vi phạm tội làm nạn nhân tàn tật vĩnh viễn hoặc gây ra những chấn thương nghiêm trọng sẽ bị xử lí theo tội nghiêm trọng, gây ra những chấn thương ở mức độ nhẹ hơn sẽ xử lí theo tội ít nghiêm trọng. Các chấn thương nhẹ sẽ do cơ quan cảnh sát bắt giữ thủ phạm xử lí luôn.

- Những hành vi đe dọa gây tổn thương về thể chất và tinh thần sẽ bị phạt tù với mức nhẹ hơn hai lần so với những hành vi gây ra

tổn thương thực tế.

- Những hành vi cản trở, hạn chế, tước đoạt các quyền tự do, các quyền hợp pháp khác của phụ nữ bị xử phạt theo tội ít nghiêm trọng.

- Những hành vi bạo lực về tình dục (ngay cả trong trường hợp chưa cấu thành tội hiếp dâm) sẽ bị xử lí theo hình phạt đối với tội nghiêm trọng...

Nếu các hành vi phạm tội xảy ra khi phụ nữ đang mang thai hoặc trước sự có mặt của trẻ em thì sẽ bị coi là tình tiết tăng nặng và xử với mức hình phạt cao hơn.

Ngoài hình phạt tù, người phạm tội còn bị phạt tiền từ 100.000 đến 300.000 peso và phải chịu sự giáo dục, điều trị tâm lí, tâm thần bắt buộc do toà án quyết định và phải báo cáo việc thi hành án với toà án.

2.5. Lệnh bảo vệ

Lệnh bảo vệ được ban hành nhằm mục đích bảo vệ phụ nữ và trẻ em trước sự bạo hành có thể tiếp tục xảy ra và cung cấp những hỗ trợ cần thiết cho nạn nhân.

Những hỗ trợ cần thiết nhằm mục đích bảo vệ sự an toàn cho nạn nhân trong cuộc sống, giảm thiểu thiệt hại, tạo điều kiện cho nạn nhân có khả năng sống độc lập.

- Người có quyền yêu cầu ban hành lệnh bảo vệ nạn nhân bao gồm nhiều đối tượng như: người bị xâm hại; cha mẹ, người giám hộ của người bị xâm hại; ông bà, họ hàng hoặc anh chị em, họ hàng trong phạm vi bốn đời của nạn nhân; cán bộ hoặc nhân viên của các cơ quan xã hội, nhân viên xã hội của các cơ quan hành chính địa phương; nhân viên cảnh sát, trưởng làng hoặc uỷ viên hội đồng

làng; luật sư hoặc người tư vấn; bác sĩ hoặc nhân viên y tế chăm sóc nạn nhân; có ít nhất hai công dân ở tỉnh, thành phố nơi hành vi bạo hành xảy ra và họ biết về hành vi đó (Điều 9).

- Nội dung: Lệnh bảo vệ có thể bao gồm một hoặc một số biện pháp được quy định tại Điều 8 như sau:

+ Ngăn chặn thủ phạm đe dọa hoặc trực tiếp thực hiện những hành vi bạo lực;

+ Ngăn chặn thủ phạm quấy rối, làm phiền hoặc liên lạc với nạn nhân dưới bất cứ hình thức nào;

+ Đưa ra khỏi nhà và không cho phép thủ phạm đến nơi ở của nạn nhân trong thời gian nhất định để bảo đảm sự an toàn của nạn nhân. Nếu cần đưa tài sản của thủ phạm ra khỏi nhà, toà án sẽ chỉ đạo cơ quan thi hành pháp luật cùng thủ phạm thu dọn tài sản và đưa thủ phạm ra khỏi nhà. Đây là biện pháp nhằm cách li thủ phạm khỏi nạn nhân;

+ Buộc thủ phạm phải rời xa nơi ở của nạn nhân và các thành viên gia đình của nạn nhân với khoảng cách do toà án quyết định cũng như phải cách xa các nơi khác mà nạn nhân thường đến;

+ Buộc thủ phạm phải thực hiện việc hỗ trợ tài chính đối với phụ nữ và con cái, nếu họ thuộc đối tượng phải giúp đỡ theo luật. Toà án sẽ ra lệnh cho chủ lao động trích ra một tỉ lệ thích hợp trong thu nhập của thủ phạm để hỗ trợ phụ nữ thường xuyên. Việc không chấp hành, trì hoãn hay khước từ trích tiền hỗ trợ phụ nữ mà không có lí do chính đáng sẽ phạm tội khinh suất toà án;

+ Ngăn chặn thủ phạm sử dụng, sở hữu súng hoặc vũ khí nguy hiểm, buộc thủ phạm giao lại những vũ khí đó trong thời gian thích hợp, thu hồi giấy phép sử dụng vũ khí và không cấp giấy phép sử dụng mới;

+ Buộc bồi thường những thiệt hại thực tế do hành vi bạo lực gây ra.

- Thẩm quyền ban hành Lệnh bảo vệ: Theo quy định của Luật này thì lệnh bảo vệ được ban hành bởi các cơ quan sau:

+ Lệnh bảo vệ của cơ quan chính quyền địa phương, hay còn gọi là lệnh bảo vệ của làng (BPO). Việc ban hành các quyết định BPO được thực hiện theo quy định của Luật chính quyền địa phương, do trưởng làng ban hành, yêu cầu thủ phạm chấm dứt hành vi bạo hành. Ủy viên hội đồng làng sẽ ban hành quyết định khi trưởng làng vắng mặt. Quyết định BPO có hiệu lực trong vòng 15 ngày (Điều 14);

+ Lệnh bảo vệ tạm thời do toà án ban hành (TPO). Toà án cấp quận sẽ xem xét đơn yêu cầu của đương sự để ban hành lệnh TPO sau khi đã thẩm định. Ngày ban hành lệnh bảo vệ tạm thời được ghi rõ trong lệnh và có hiệu lực trong vòng 30 ngày (Điều 15);

+ Lệnh bảo vệ lâu dài (PPO): Lệnh bảo vệ lâu dài được toà án ban hành sau khi kết thúc phiên xét xử. Việc ban hành lệnh bảo vệ lâu dài được tiến hành trên cơ sở các chứng cứ mà bên nguyên đơn (nạn nhân hoặc người đại diện cho nạn nhân) đưa ra và chứng minh tại phiên toà. Nguyên đơn có thể trình bày tại toà án bất cứ thông tin nào liên quan đến hành vi vi phạm của bị đơn, thậm chí cả những hành vi không liên quan tới nguyên

đơn hoặc người mà nguyên đơn đại diện. Lệnh PPO chỉ hết hiệu lực khi toà án có quyết định thu hồi do đề nghị của bên nguyên (Điều 16).

Theo quy định của Luật này thì thẩm phán hoặc viên chức sẽ chịu trách nhiệm hành chính nếu từ chối không xem xét và ban hành lệnh bảo vệ trong thời hạn luật định mà không có lí do chính đáng (Điều 18). Việc xem xét và ban hành lệnh bảo vệ được ưu tiên giải quyết trước tất cả các loại vụ việc khác (Điều 19). Mặt khác, theo quy định tại Điều 33 thì những người có thẩm quyền ban hành lệnh bảo vệ không được chỉ đạo, hay gây áp lực hoặc bằng các biện pháp khác gây ảnh hưởng một cách sai trái nhằm buộc những người yêu cầu ban hành lệnh bảo vệ từ bỏ hoặc rút bớt các yêu cầu trợ giúp.

Việc vi phạm bất cứ một điều nào trong lệnh bảo vệ sẽ bị xử lí theo quy định của pháp luật. Vi phạm lệnh BPO sẽ bị phạt tù 30 ngày, không phân biệt hành vi vi phạm thuộc hình sự hay dân sự, nếu bên bị bạo hành tố cáo. Hành vi vi phạm bất kì điều nào trong lệnh TPO và PPO đã được ban hành sẽ bị xử phạt theo Luật về toà án (Điều 21).

Quy định có tính khả thi cao và có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo hiệu lực của việc thi hành lệnh bảo vệ là toà án có thể bắt đối tượng của lệnh bảo vệ đã được ban hành, (trong trường hợp này là lệnh do toà án ban hành, bao gồm lệnh TPO và lệnh PPO), phải nộp một khoản tiền đặt cọc để cam kết không tái phạm hành vi bạo lực. Nếu không chịu nộp tiền đặt cọc, người vi

phạm sẽ bị phạt tù trong khoảng 30 ngày hoặc tối đa sáu tháng, tùy theo mức độ của mỗi hành vi bạo hành đã bị truy tố (Điều 23).

2.6. Các quyền của nạn nhân

Theo quy định tại Điều 35 và một số điều khác của Luật này thì nạn nhân có các quyền sau:

- Được tôn trọng trong đời sống, trong đó có quyền được tôn trọng và giữ bí mật đời tư (Điều 44);

- Được hỗ trợ y tế và pháp luật;

- Được nhận sự hỗ trợ từ các cơ quan xã hội và chính quyền địa phương; nhận các sự trợ giúp và hỗ trợ hợp pháp khác theo luật về gia đình;

- Được thông báo về các quyền và nghĩa vụ liên quan, trong đó có quyền được yêu cầu ban hành lệnh bảo vệ;

- Được đòi bồi thường mọi loại thiệt hại do thủ phạm gây ra (Điều 36);

- Quyền được tạm nghỉ việc trong thời gian 10 ngày mà vẫn được hưởng nguyên lương, có thể được nghỉ lâu hơn nếu trong lệnh bảo vệ có ghi rõ điều đó. Người sử dụng lao động không được làm tổn hại đến các quyền của nạn nhân (Điều 43);

- Những nạn nhân sống sót sau khi bị bạo hành mà toà án xác định là phải chịu “hội chứng phụ nữ bị hành hạ” không phải chịu bất cứ trách nhiệm hình sự hay dân sự nào, dù họ thiếu một số căn cứ theo chế định phòng vệ chính đáng. Việc xác định nạn nhân có hội chứng phụ nữ bị hành hạ hay không được toà án thực hiện với sự trợ giúp của chuyên gia tâm lí, thần kinh (Điều 26);

- Nạn nhân là phụ nữ có quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con mình. Nạn nhân của hành vi bạo dâm không bị tước quyền chăm sóc con. Thủ phạm gây ra hành vi bạo dâm không được giao quyền chăm sóc trẻ em (Điều 28).

2.7. Trách nhiệm của các cơ quan chính phủ, cá nhân

Luật đã quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nạn nhân của bạo lực. Đó là trách nhiệm của các cán bộ làng, nhân viên thực thi pháp luật, nhân viên y tế, chuyên gia tâm lý... trong việc ban hành các biện pháp cần thiết nhằm hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân, thực hiện sự trợ giúp cụ thể đối với nạn nhân, tố cáo hành vi bạo lực... Trách nhiệm của các cơ quan chính phủ, chính quyền địa phương trong việc tuyên truyền, thông tin về nạn bạo hành như nguyên nhân, hậu quả, ảnh hưởng của bạo hành đối với cá nhân và xã hội; đào tạo đội ngũ nhân viên phục vụ công tác ngăn chặn bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em.

Luật còn quy định rõ: trong mọi trường hợp bạo hành đối với phụ nữ và trẻ em, sự can thiệp của bất cứ cá nhân nào theo quy định của pháp luật, tuy có trấn áp quá mức cần thiết nhằm bảo đảm sự an toàn cho nạn nhân, ngăn chặn hành vi bạo lực sẽ không phải chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý nào, dù dân sự, hình sự hay hành chính (Điều 34). Quy định này là cơ sở để mọi cá nhân có thể tự tin, mạnh dạn can thiệp đúng lúc, kịp thời trước hành vi bạo lực đang xảy ra nhằm giảm thiểu tối đa những hậu quả của bạo lực đối với nạn nhân và xã hội.

3. Một vài nét so sánh với Luật phòng, chống bạo lực gia đình của Việt Nam

Luật phòng, chống bạo lực gia đình của nước ta cũng được xây dựng trên cơ sở Luật mẫu của Liên hợp quốc nên về cơ bản cũng có những nét tương đồng với Luật chống bạo hành phụ nữ và trẻ em năm 2004 của Philippines. Tuy nhiên, bên cạnh những nét tương đồng là chính, có thể nhận thấy có sự khác biệt nhất định giữa luật của hai nước. Sự khác biệt đó thể hiện qua một số quy định về nội dung và kỹ thuật lập pháp. Có thể nói, về kỹ thuật lập pháp, Luật chống bạo hành phụ nữ và trẻ em năm 2004 của Philippines lựa chọn cách quy định trực tiếp về các nội dung cần thiết ngay trong Luật, đặc biệt là quy định về chế tài, còn Luật phòng, chống bạo lực gia đình của nước ta lại viện dẫn đến các quy định trong các luật khác có liên quan hoặc các văn bản dưới luật hướng dẫn thi hành. Vì vậy sự so sánh ở đây không chỉ dừng lại trong phạm vi Luật phòng, chống bạo lực gia đình mà còn được mở rộng tới các văn bản pháp luật khác có liên quan. Sự khác biệt giữa luật của hai nước về phòng, chống bạo lực gia đình thể hiện qua một số khía cạnh sau:

Thứ nhất, nạn nhân của bạo lực gia đình theo Luật phòng, chống bạo lực gia đình của nước ta có thể là bất cứ ai, nam hay nữ, trẻ em hoặc người đã thành niên và là thành viên của gia đình. Theo luật của Philippines thì nạn nhân là phụ nữ và trẻ em. Tuy nhiên, nhóm nạn nhân của hành vi bạo lực là phụ nữ trong luật của cả hai nước đều được xác định khá giống nhau với phạm vi rộng hơn,

không chỉ là thành viên gia đình mà còn bao gồm cả những người không có quan hệ gia đình chính thức được công nhận về mặt pháp lý, như vợ cũ, người mà người gây ra hành vi bạo lực có quan hệ tình dục... Điều này có ý nghĩa thực tiễn ở chỗ nó tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ, hỗ trợ cho nhóm phụ nữ này trước nguy cơ dễ trở thành nạn nhân của bạo lực do tính chất của mối quan hệ riêng tư, thân thiết, gần gũi đã có trước đó hoặc sự lệ thuộc vào tình cảm hoặc tài chính giữa người gây bạo lực với họ. Với lý do đó, Luật mẫu của Liên hợp quốc *"kêu gọi các nước thông qua định nghĩa rộng nhất về bạo lực gia đình và các mối quan hệ trong đó bạo lực gia đình xảy ra"*.⁽⁶⁾ Từ đó có thể thấy quy định về phạm vi điều chỉnh của Luật phòng, chống bạo lực gia đình của nước ta bao gồm cả *"thành viên gia đình của vợ, chồng đã li hôn hoặc nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng"* là hoàn toàn phù hợp.⁽⁷⁾

Thứ hai, Luật phòng, chống bạo lực gia đình của nước ta phân biệt rõ hai nhóm biện pháp: phòng ngừa bạo lực gia đình và bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. Trong nhóm các biện pháp phòng ngừa bạo lực gia đình, luật nước ta coi trọng vai trò của công tác hoà giải, tư vấn, góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư. Những quy định đó nhằm đề cao, yêu cầu và khẳng định vai trò quan trọng của cộng đồng, của các tổ chức xã hội tại địa phương trước nạn bạo lực gia đình. Điều này phù hợp với thực tiễn và đời sống tâm lý rất gắn bó và quan tâm đến nhau có tính chất làng xã của người dân Việt Nam.

Do đó, quy định về công tác hoà giải, tư vấn, góp ý trong cộng đồng dân cư sẽ có tính khả thi và hiệu quả thiết thực đối với việc phòng chống bạo lực gia đình. Trong Luật chống bạo hành phụ nữ và trẻ em năm 2004 của Philippines, vai trò của cộng đồng không được quy định rõ mà thay vào đó Luật đòi hỏi cao vai trò của mỗi cá nhân.

Về các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân, luật của Philippines quy định về quyền yêu cầu ban hành lệnh bảo vệ, trong khi đó Luật phòng, chống bạo lực gia đình của Việt Nam quy định về biện pháp cấm tiếp xúc và các biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hay tố tụng hình sự đối với người có hành vi bạo lực (Điều 19 Luật phòng, chống bạo lực gia đình). Có thể thấy quy định của Luật chống bạo hành phụ nữ và trẻ em năm 2004 của Philippines về lệnh bảo vệ là cụ thể và trực tiếp hơn, do đó có tác dụng thiết thực và hiệu quả hơn. Hơn nữa, trong lệnh bảo vệ cũng bao hàm rất nhiều biện pháp hỗ trợ nạn nhân mà nạn nhân có quyền yêu cầu thực hiện nên có tính khả thi và hiệu quả hơn đối với nạn nhân. Theo Luật của nước ta, biện pháp cấm tiếp xúc có thể coi là biện pháp đặc trưng nhưng tính khả thi của nó lại không cao và do đó khó có hiệu quả thực tế.

Thứ ba, về việc áp dụng hình phạt đối với các hành vi bạo lực: Luật chống bạo hành phụ nữ và trẻ em năm 2004 của Philippines quy định rõ và cụ thể chế tài áp dụng đối với từng loại hành vi bạo lực. Điều đó sẽ có tác dụng răn đe trực tiếp và do đó có hiệu quả cao hơn trong việc phòng chống bạo lực gia

đình. Còn trong Luật phòng, chống bạo lực gia đình của nước ta, chế tài áp dụng đối với hành vi bạo lực là không rõ mà phải viện dẫn đến nhiều quy định của các luật khác. Nếu trong Luật của Philippines, chế tài đối với người thực hiện hành vi bạo lực được quy định trực tiếp ngay trong luật thì Luật phòng, chống bạo lực gia đình của nước ta lại quy định các chế tài gián tiếp trong các luật khác hoặc trong văn bản dưới luật, như Nghị định số 110/2009/NĐ-CP ngày 10/12/2009 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình.⁽⁸⁾ Mặt khác, Nghị định này cũng lại dẫn chiếu đến việc áp dụng văn bản pháp luật khác khi có hành vi bạo lực đối với những nạn nhân là những đối tượng khác nhau.⁽⁹⁾ Điều đó thực sự làm người dân khó tiếp cận và hiểu được các chế tài sẽ bị áp dụng đối với người gây ra bạo lực, do đó tính răn đe và khả năng ngăn chặn hành vi bạo lực không cao.

Thứ tư, về cơ sở trợ giúp nạn nhân: vấn đề này không được quy định rõ trong Luật chống bạo hành phụ nữ và trẻ em năm 2004 của Philippines nhưng trong Luật phòng, chống bạo lực gia đình của nước ta lại được quy định khá rõ ràng. Theo luật của nước ta, cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình bao gồm: cơ sở khám chữa bệnh; cơ sở bảo trợ xã hội; cơ sở hỗ trợ nạn nhân; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; địa chỉ tin cậy. Quy định về địa chỉ tin cậy trong cộng đồng là quy định có ý nghĩa thực tiễn khá sâu sắc và có tính khả thi. Trong thực tế, nạn nhân của bạo lực thường tìm chỗ nương tựa, chạy trốn trước hành vi bạo lực hoặc tìm sự

tư vấn, giải toả mâu thuẫn tại những địa chỉ tin cậy được hình thành trong cuộc sống. Vì vậy việc phát triển những địa chỉ tin cậy trong cộng đồng đối với nạn nhân bạo lực gia đình có tác dụng thiết thực.

So sánh sự khác biệt và tương đồng giữa luật của hai nước về phòng chống bạo lực gia đình để có thể thấy được những mặt tích cực cũng như những hạn chế cần khắc phục của Luật phòng, chống bạo lực gia đình của Việt Nam, trên cơ sở đó có thể xem xét sửa đổi, bổ sung hoàn thiện và đảm bảo hiệu quả của Luật phòng, chống bạo lực gia đình trong thực tế./.

(1). “Vai trò của nữ nghị sĩ trong phòng chống bạo lực gia đình”. Nguồn: <http://www.nhandan.com.vn>, ngày 15/12/2009.

(2). Về Luật chống bạo hành phụ nữ và trẻ em năm 2004 của Philippines có thể xem trong cuốn Luật phòng, chống bạo lực gia đình của một số nước trên thế giới, Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội, Ban soạn thảo Luật phòng, chống bạo lực gia đình, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2006, tr. 180 - 210.

(3). Xem: Điều 2 Luật chống bạo hành phụ nữ và trẻ em năm 2004 của Philippines.

(4). Xem: Điều 4 Luật chống bạo hành phụ nữ và trẻ em năm 2004 của Philippines.

(5). Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội, Ban soạn thảo Luật phòng, chống bạo lực gia đình, Luật phòng, chống bạo lực gia đình của một số nước trên thế giới, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2006, tr. 184.

(6). Sđd, tr. 9.

(7). Xem: Khoản 2 Điều 2 Luật phòng, chống bạo lực gia đình.

(8). Xem: Nghị định số 110/2009/NĐ-CP ngày 10/12/2009 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình có hiệu lực ngày 27/1/2010.

(9). Xem: Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 110/2009/NĐ-CP.